DANH MỤC VẬT TƯ, THIẾT BỊ Y TẾ MUA SẮM ĐỂ BÁN LẺ TẠI NHÀ THUỐC BỆNH VIỆN NĂM 2025 LẦN 3

(Đính kèm Thông báo yêu cầu Báo giá số: 283/TB-BVNĐ-NT ngày 15 tháng 8 năm 2025)

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
1	TB01	Băng bó bột các cỡ 3in-4in-6in	Băng bột bó xương ≥ 97 % thạch cao nguyên chất <> hoặc tương đương	Cuộn
2	TB02	Băng cá nhân 20mm x 60mm (hãng Urgo)	- Lớp nền: Sợi vải đàn hồi 70% Viscose và 30% Polyamide - Keo kết dính nóng chảy: Kẽm Oxide, hỗn hợp SIS/SI, dầu khoáng trắng, Lanolin,... Độ hớt 6,600 – 10,600 cP. - Lớp thấm hút : Lớp thấm hút: 75% Viscose, 25% Polypropylene/Polyethylene - Chứng nhận ISO 13485 - BSI	Miếng
3	TB03	Băng dính lụa cuộn 2.5cm x 5m (hãng Urgo)	-Nền : Vải dệt từ cellulose acetate 100% - Hỗn hợp keo nóng chảy: Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Zinc oxide, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP. - Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / EN ISO 11737-1 - Chứng nhận ISO 13485 - BSI , CE - MDR	Cuộn
4	TB04	Băng rốn	- Thành phần chính từ sợi lolyester, cotton, sản phẩm mềm mại, an toàn cho bé. - Mỗi hộp có 3 gạc và 3 vòng băng thun đã tiệt trùng bằng khí E.O.GAS.	Miếng
5	TB05	BĂNG VẢI CUỘN 0.1MX5CM	Băng cuộn y tế được làm 100% cotton, sợi bông tự nhiên đảm bảo an toàn cho da.Sợi bông tự nhiên mềm mại và thoáng khí.Không gây dị ứng, không chứa hoá chất.Sợi bông không thể tích điện, loại bỏ tĩnh điện.Sợi chắc chắn, không dính xơ vào vết thương.Khả năng thấm hút cao.	cuộn
6	TB06	Bao Camera nội soi-Kích thước: 15CMX220CM	Bao camera nội soi được sản xuất và lắp ghép bao gồm: - Miệng bao được cố định bởi 2 vòng kép lồng vào nhau, có đường kính danh nghĩa là 97mm. Vòng ngoài và vòng trong có bề dày trung bình: 1,5mm. Hai vòng này tròng khít vào nhau để giữ chặt miệng bao. Vòng ngoài có gờ chặn để giữ vòng trong và kẹp chặt miệng bao. - Phần bao nylon để luồn dây đốt bằng điện khi thao tác dài 2,1m, bề rộng bản 144mm và có bề dày 0,03mm.- Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái
7	TB07	Bao dây đốt- Kích thước: 9CMX220CM	Chất liệu: Màng nhựa PE, vòng nhựa PP chính phẩm. - Kích thước: dài 2.35m - rộng: 7.5 cm - Đóng gói bằng giấy đóng gói tiệt trùng. - Tiệt trùng bằng khí EO.	Cái
8	TB08	Bình dẫn lưu vết thương 400ml	" Bao gồm: + Bình áp lực âm 3 lò xo thể tích 200/ 400ml; + Ống nối chất liệu PVC; + Co nối chữ Y; + Ống dẫn lưu có trocar kích thước 10, 12, 14, 16, 18Fr. + Có van chống trào ngược, kẹp cố định vào giường. - Có cản quang, không chứa latex. - Đóng gói tiệt trùng EO"	Cái

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
9	TB09	Bộ dẫn truyền cảm ứng 1 đường Arline (Bộ đo Huyết áp động mạch xâm lấn)	"Bộ đo huyết áp động mạch xâm lấn 1 đường loại cho trẻ em có van khóa lấy mẫu máu kín bao gồm: 2 đoạn dây chính màu đỏ dài 60inch/ 6inch và 1 đoạn dây phụ màu xanh 60inch (OD 2.8mm x ID 0.975mm), khóa 4 ngã, 1 khóa lấy mẫu máu kín, transducer DPT 3cc, dây truyền dịch IV 0.16"-60L Thông số kỹ thuật + Quá áp -400 đến 6000 mmHg + Cân bằng tại 0: ±40mmHg + Điều kiện cân bằng 100 ±3mmHg + Độ nhạy: 5,0µ V/V/mmHg ± 1%. + Trở kháng đầu vào (kích thích): 350 ohms. + Trở kháng đầu ra: 300 ohms. + Nhiệt độ hoạt động: 15°C-40°C. + Áp lực hoạt động: -30 đến 300mmHg. + Tốc độ dòng thấp (3ml/hr) 1.9ml < dòng < 5.0ml/hr ~ 276 mmHg. Tốc độ dòng cao (125ml/phút) ~276mmHg + Đối xứng đầu dò (Symmetry): 1 ±5% Chứng chỉ lưu hành (CFS) Châu Âu"	Bộ
10	TB10	Bộ hút đàm kín Comforsoft số 8Fr	* Hệ thống hút đàm kín trẻ em, vô trùng, sử dụng 72h. ' - Catheter hút dịch vật liệu PVC y tế, đầu tròn, mềm có 2 lỗ hút giúp hút tối đa, đảm bảo sự thoải mái tối đa. Vạch đánh dấu đo độ dài kiểm soát độ sâu khi luồn. Lớp nhựa mềm trong suốt bọc ngoài đảm bảo hệ thống hút kín an toàn, dễ theo dõi.- Kết nối khóa xoay với van khóa 1 chiều sạch hơn và giảm dòng quay trở lại.- Van kiểm soát có bộ nối để ngăn chặn việc vô tình khởi động máy hút khi không cần thiết.- Đóng gói có sẵn bao gồm: catheter hút dịch, 3 co nối cho trẻ em tương thích với các cỡ ống nội khí quản.- Các cỡ 6,8,10FG, chiều dài 30-45cm . Mã hóa màu theo kích cỡ. - Đóng gói vô trùng. Không Latex, không DEHP	Bộ
11	TB11	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 5ml	Bơm kim tiêm nhựa, tiệt trùng, sử dụng một lần, xy lanh dung tích 5 ML /cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói riêng lẻ từng cái	Cái
12	TB12	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 1ml	Bơm kim tiêm nhựa, tiệt trùng, sử dụng một lần, xy lanh dung tích 1 ML /cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 26Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói riêng lẻ từng cái	Cái
13	TB13	Bơm tiêm vô trùng sử dụng một lần 3ml	Bơm kim tiêm nhựa, tiệt trùng, sử dụng một lần, xy lanh dung tích 3 ML /cc được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ ràng. - Pít tông có khía bẻ gãy để hủy, không có ba via. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đóng gói riêng lẻ từng cái	Cái

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
14	TB14	BÔNG MỠ CUỘN - SIZE: 0.1M X 2M	Kết cấu mịn màng và mềm mại cỡ 0.1m x 2m 3.142 Cuộn Không thâm nước. Dùng lót bó bột	cuộn
15	TB15	Catheter 1 nòng Secalon Seldy dài 42cm, kim 16G	"*Catheter TMTT 1 nòng trẻ em 14G hoặc 16G bao gồm: - Catheter polyurethane tương thích sinh học có cản quang, 14G hoặc 16G dài 20cm. Tốc độ dòng 79~101ml/phút (14G), 42~54ml/phút (16G) - Dây dẫn J làm bằng hợp kim Nickel-Titan mềm và linh hoạt, chống gãy gập 0.032 x 60cm - Cây nong 7Fr, bơm tiêm 5ml, kim Y (18G x 7cm), dao mổ, hub cố định * Sử dụng 1 lần. Vô trùng ETO, không Pyrogenic"	Bộ
16	TB16	CATHETER 3FR-6CM - LEADERFLEX (121106)- 1 NÒNG	"Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 18G,20G,22G - Catheter vật liệu polyurethane, có cản quang - Dây dẫn đầu J làm bằng hợp kim Nickel-Titan, chống gãy gập 0.018", dài 45cm - Các phụ kiện khác: Kim dẫn đường thẳng 21G x 4cm, dao mổ, cây nong 4F hoặc 5F, bơm tiêm, cố định hub, cố định catheter - Tốc độ dòng: +Catheter 18G dài 20cm: 22.5~28.75ml/ phút +Catheter 20G dài 13cm: 15~25ml/ phút Catheter 22G dài 13cm: 7.2 ~11.25ml/ phút - Tiệt trùng EO.	Bộ
17	TB17	CATHETER CHẠY THẬN 2 đường 12 Fr, 15cm-20 cm	Catheter lọc máu 2 nòng12F, gồm: - Catheter 12F dài 15 hoặc 20cm vật liệu polyurethan cản quang, tương thích sinh học. 12Fx 15cm: thể tích mồi (A 1.2ml, V 1.3ml). Tốc độ dòng (nòng xa 449 ml/p, nòng gần 384 ml/p) 12Fx 20cm: thể tích mồi A 1.4ml, V 1.5ml.Tốc độ dòng nòng xa 409ml/p, nòng gần 334 ml/p) - Dây dẫn đầu J 0.038" x 60cm. - 2 cây nong 8Fr x 10cm và 12Fr x 15cm. - Kim Y dẫn đường 18Ga x 7cm - Bơm tiêm 5cc - Dao mổ - Đầu nối heparin Đóng gói tiệt trùng EO. Không latex	Bộ
18	TB18	Catheter chạy thận 2 đường 6.5Fr x 11cm	"*Catheter chạy thận 2 nòng 6.5Fr hoặc 8.5Fr bao gồm : - Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn,chiều dài 11cm -Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương -Các phụ kiện : +Catheter 6.5Fr dài 11cm: Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 50cm, Cây nong 7Fr x 10cm , Bơm tiêm 5ml, Kim dẫn đường thẳng 20G x 4cm, Dao mổ số 11 Tốc độ dòng V= 81~104 ml/phút, A= 77~98 ml/phút +Catheter 8.5Fr dài 11cm: Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm, Cây nong 9Fr x 10cm , Bơm tiêm 5ml, Kim Y dẫn đường 18G x 7cm, Dao mổ số 11 Tốc độ dòng V= 155~198 ml/phút, A= 148~190 ml/phút"	Bộ

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
19	TB19	Catheter chạy thận 2 đường 8.5Fr x 11cm	"*Catheter chạy thận 2 nòng 6.5Fr hoặc 8.5Fr bao gồm : - Thân catheter nguyên liệu Polyurethan, đặc biệt hai nhánh nối phụ nguyên liệu silicon mềm, trong suốt giúp dễ quan sát và an toàn,chiều dài 11cm -Đầu tip mềm thiết kế hình nón giúp đưa vào dễ dàng, ngăn ngừa chấn thương -Các phụ kiện : +Catheter 6.5Fr dài 11cm: Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.018" x 50cm, Cây nong 7Fr x 10cm , Bơm tiêm 5ml, Kim dẫn đường thẳng 20G x 4cm, Dao mổ số 11 Tốc độ dòng V= 81~104 ml/phút, A= 77~98 ml/phút +Catheter 8.5Fr dài 11cm: Dây dẫn đường Nitinol đầu J 0.035" x 70cm, Cây nong 9Fr x 10cm , Bơm tiêm 5ml, Kim Y dẫn đường 18G x 7cm, Dao mổ số 11 Tốc độ dòng V= 155~198 ml/phút, A= 148~190 ml/phút"	Bộ
20	TB20	Catheter rốn số 3.5	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC, có đánh dấu cản quang + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch >6ml/ phút….	Cái
21	TB21	Catheter rốn số 4	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC, có đánh dấu cản quang + Dài 37cm, cỡ 4 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút	Cái
22	TB22	Catheter tĩnh mạch nền 1Fr	Catheter dùng để truyền thuốc, truyền dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh dưới 1kg. Catheter chất liệu PUR cản quang cỡ 1Fr,dài 20 cm; 01 thước dây. Tốc độ truyền dịch 0.7ml/phút. Thể tích mồi 0.09ml. Đường kính ngoài 0.35mm, đường kính trong 0.17mm. Có cánh cố định, tương thích với miến dán cố định griplok. Đánh dấu từng cm trên thân catheter. Thời gian lưu: dưới 30 ngày. Đóng gói kèm 01 thước dây; 01 kim bẻ cỡ 24G, đường kính ngoài 0.7mm	Cái
23	TB23	Catheter tĩnh mạch trung tâm theo phương pháp Seldinger CERTOFIX DUO PAED S 408	Kim dẫn đường sắc bén Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J giảm tổn thương khi luồn Có dao mổ và kim nong bằng nhựa Catheter bằng chất liệu polyurethan đường kính ngoài 4F, chiều dài 8cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G22, G22 Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Bộ
24	TB24	Catheter-ống thông trong lọc máu cỡ 6.5F loại ngắn(75mm)-GamCath GDK-607.5P	"* Catheter nguyên liệu Tecoflex, dây dẫn nitinol phủ PTFE * Thiết kế đầu catheter dạng bậc thang (step tip), không lỗ bên giảm nguy cơ máu đông, giảm tắc nghẽn * Tốc độ dòng truyền cao (lên tới 150ml/ph ở áp lực 250mmHg). *Bộ Bao gồm: 1 catheter 6.5F chiều dài 100mm/125mm, 1 cây nong 6F, 1 cây nong 7F, 1 dây dẫn đường J (0.45mmx 400mm) nitinol phủ PTFE , 1 kim dẫn đường 20G, 2 nút chặn kim luồn * Tiệt trùng EO, không Phthalat, không latex * Tiêu chuẩn ISO, có ít nhất 1 CFS G7"	Bộ

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
25	TB25	Chỉ phẫu thuật không tiêu nylon các số 1/0-3/0-4/0-5/0-6/0.	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide các số 1/0-3/0-4/0-5/0-6/0, dài từ 60-75 cm, kim tam giác. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng,độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde.có đặc tính đơn sợi, mềm dẻo, dễ uốn và thắt nút. Chỉ nylon thường được sử dụng để khâu vết thương ngoài da, phẫu thuật thẩm mỹ, và trong các ca vi phẫu, ngoại thần kinh.	tép
26	TB26	Chỉ phẫu thuật tự tiêu, tổng hợp, đa sợi, được làm từ Polyglactin 910, có lớp phủ Polyglactin 370 và Calcium Stearate (các số 5/0 đến 7/0- Vicryl-Ethicon)	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910, được bọc bởi 50% polyglactin 370 và 50% Calcium Stearate, có chất kháng khuẩn Irgacare MP số các số từ 2/0-7/0 dài 70-75cm, kim tròn đầu tròn SH, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép Ethalloy có phủ silicone cải tiến, dài 26mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu từ 28 đến 35 ngày và thời gian tan hoàn toàn từ 56 đến 70 ngày. Chỉ được sử dụng để khâu các mô mềm, bao gồm cả phẫu thuật nhãn khoa và nối dây thần kinh ngoại biên.kèm với kim thép không gỉ, với các loại kim khác nhau như kim 1/2 đường tròn, kim tròn, kim đầu tròn, kim cắt. Vi phẫu cho các mạch máu có đường kính dưới 2mm.Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide.	tép
27	TB27	Chỉ VICRYL RAPIDE 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 35/65) + CaSt, số 5/0, chỉ dài ≥70cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 16mm phủ silicon.	tép
28	TB28	Dao phẫu thuật (hãng Feather các số 10-11-15)	Lưỡi sao sắc bén dùng 1 lần Lưỡi dao đã được tiệt trùng. Chất liệu được làm từ thép Carbon, với công nghệ sản xuất hiện đại từ Nhật bản Được tiệt trùng và được đóng gói riêng biệt. Mỗi lưỡi dao được bảo vệ bởi giấy VCI trong 1 gói giấy bạc. Dành cho các cuộc phẫu thuật trong y tế. Size : 10,11,15.	Cái
29	TB29	Dây cho ăn số 12-14 (MPV)-không nắp	Dây dẫn chất liệu nhựa PVC y tế, chất lượng cao, không độc hại, không bị kích thích, khó chịu, dẻo, trơn. Bề mặt ngoài của sản phẩm được làm tròn, nhẵn và được tráng màng silicon giúp giảm thiểu sự kích ứng mô mềm. Có đường cản quang cả chiều dài ống được thấy trên X- quang.	Cái
30	TB30	Dây nối bơm tiêm điện 150cm	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt,ống dây không bị xoắn, chịu được áp lực cao, không độc tố, không DEHP. Độ dài của dây nối các cỡ, đường kính trong ≤ 0,9mm. Tiệt trùng	sợi
31	TB31	Dây/Ống hút dịch nhớt các số 6Fr-8Fr-10Fr-12Fr-14Fr	Làm từ nhựa PVC nguyên sinh y tế,Ống PVC mềm dẻo, không xoắn, có màu trong dễ quan sát, đảm bảo an toàn, không độc hại và không chứa DEHP.Tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO).Dây hút nhớt có nắp van -không nắp van.Đầu nối có màu sắc phân biệt kích cỡ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế.	sợi/cái
32	TB32	Dây truyền máu SANGOFIX ES SLIM SPIKE LL 180cm-BBRAUN	Dây truyền máu đầu xoắn - Chất liệu: Polyamide - Chiều dài: 180 - 185cm, đường kính trong khoảng 3 ± 0.1mm, đường kính ngoài khoảng 4 ± 0.1mm - Bầu đếm giọt: gồm 2 ngăn cứng và mềm, trong suốt, diện tích màng lọc 11cm², kích thước mắt lưới màng lọc 200µ, đầu lấy máu mũi tù, trong suốt, có nắp bảo vệ - Đầu nối male, kiểu xoắn vặn, tương thích với đầu nối catheter hoặc dây nối - Có bộ phận điều chỉnh giọt, có chức năng đuổi khí tự động - Tiệt khuẩn	cái
33	TB33	Dụng cuh hút mũi	Thiết kế ống bầu dục làm bằng nhựa PC không độc hại, giúp điều chỉnh lực hút mũi cho bé không làm bé đau hay khó chịu khi sử dụng. Ngoài ra, ống hút và đầu hút sử dụng chất liệu Silicon mềm mại đảm bảo an toàn và vệ sinh	Hộp
34	TB34	Đinh Rush các cỡ	Đinh Rush 1.8-> 4.5mm, dài tối đa, chất liệu Stainless Steel	Cây
35	TB35	Gạc rơ lưỡi	Thành phần: 100% Cotton. Công dụng: Vệ sinh làm sạch lưỡi, răng miệng cho em bé.	Hộp
36	TB36	Gạc y tế tiệt trùng 5cm x 6.5cm	Gạc y tế 5cm x 6.5cm x 12 lớp được làm từ 100% sợi cotton tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, mịn màng, mềm mại, không gây kích ứng da.	Gói

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
37	TB37	Găng tay khám có bột	Găng tay khám bệnh không tiệt trùng các cỡ. Bề mặt trơn. Màu trắng ngà. Chưa tiệt trùng. Thuận cho cả 2 không nhăn và viền gân ở cổ tay. - Nguyên liệu: Cao su tự nhiên. Độ Dày ngón tay: Tối thiểu 0.10 mm; Lòng bàn tay: Tối thiểu 0.09 mm; Cổ tay: Tối thiểu 0.08 mm.	Đôi
38	TB38	Găng tay vô trùng dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, size 7	Găng phẫu thuật tiệt trùng số 7 <> hoặc tương đương	Đôi
39	TB39	Gòn 10g	Được làm từ 100% bông tự nhiên, có sợi xơ dài và chắc chắn, nên khi sử dụng sẽ không bị đổ bụi, bông trắng và sạch, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da.	Gói
40	TB40	Khẩu trang tiệt trùng	Gồm 3 lớp: 2 lớp chất liệu vải không dệt và lớp giữa là lớp giấy thường. Có thanh tựa mũi cố định và dây thun cố định chặt ở vành tai. Hộp 50 cái	Cái
41	TB41	KIM LUỒN TĨNH MẠCH 16G x 51mm (SURFLO I.V.Catheter)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luồn có cánh, có cửa, tốc độ chảy 190ml/phút - Đường kính và độ dài catheter: 1.30mm x 51mm	Cây
42	TB42	KIM LUỒN TĨNH MẠCH 18G x 51mm (SURFLO I.V.Catheter)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim luồn có cánh, có cửa, tốc độ chảy 90/phút - Đường kính và độ dài catheter: 0.95mm x 51mm	Cây
43	TB43	KIM LUỒN TĨNH MẠCH 20G x 32mm (SURFLO I.V.Catheter)	Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát. Tạo độ bén tối đa - Cathether nhựa Có 4 đường cản quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kị nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Kim luồn có cánh, có cửa, tốc độ chảy 60ml/phút - Đường kính và độ dài catheter: 0.80mm x 32mm	Cây
44	TB44	KIM LUỒN TĨNH MẠCH 22G x 32mm (SURFLO I.V.Catheter)	"Kim luồn tĩnh mạch an toàn, có cánh, có cổng tiêm thuốc, có đầu bảo vệ nhựa '- Kim thép không gỉ, phủ Silicone, mài nhẵn, 3 mặt vát siêu mỏng và sắc để đảm bảo không chấn thương và không đau - Ống thông chống xoắn. Bề mặt được bôi trơn bằng chất lỏng y tế để giảm ma sát trong quá trình đặt ống vào tĩnh mạch. Có 3 đường cản quang - Buồng báo máu hồi lưu trong suốt xác nhận tiêm tĩnh mạch ngay lập tức - Đầu bảo vệ an toàn, cho phép đầu kim được gắn vào lồng an toàn khi kích hoạt cơ chế an toàn, ngăn ngừa nhiễm khuẩn. - Đóng gói riêng lẻ từng vỉ. Vô trùng, không độc hại, không gây sốt - Kích cỡ: 14G:2.1x45-300ml/min 16G:1.8x45mm- 200ml/min 18G: 1.3x45/32mm - 95ml/min 20G: 1.1x32mm - 62ml/min 22G: 0.9x25mm - 33ml/min 24G: 0.7x19mm - 20ml/min 26G: 0.6x19mm - 15ml/min"	Cái
45	TB45	Kim tiêm sử dụng 1 lần các cỡ	Đốc kim và nắp chụp kim: Nhựa đạt tiêu chuẩn dùng trong y tế, không chứa DEHP; Thân kim: Thép không gỉ, có đủ độ cứng cơ khí, không bị cong vênh trong điều kiện bình thường, không bị oxy hóa; bề mặt kim tiêm nhẵn, bóng; đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh và không có gờ, có nắp chụp bảo vệ; Cỡ kim 18G x 1½"; 18G x 5/8", 23G x 1½"; 23G x 5/8", 25G x 1½", 25G x 5/8"; 26G x 1½", 26G x 5/8" và các cỡ khác theo yêu cầu; Sản phẩm được tiệt trùng.	chiếc/cái

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
46	TB46	Lọc vi sinh cho điều áp nút	"* Chất liệu lọc làm bằng Polypropylene nhiều lớp + polyester nhiều lớp * Hiệu quả lọc BFE và VFE 99.99% @ 0.3micromet - Khả năng lọc kích cỡ hạt: 0.3 Micron - Trọng lượng 8.6g - Trở kháng 12mmHg tại 20 LPM - Khoảng chết ≤ 6mL - Co nối 12.7mm/8.8mm-8.4mm - Áp suất hoạt động tối đa 20psi - Diện tích lọc hiệu quả 18cm2 - Nhiệt độ hoạt động tối đa 60 độ C - Đóng gói tiệt trùng EO"	cái
47	TB47	Miếng cầm máu mũi Merocel	"Vật liệu cầm máu mũi - Chất liệu bằng Polyvinylal Alcohol (PVA) - Kích thước: 8 cm x 2 cm x 1.5 cm - Kích thước lỗ siêu nhỏ: (0.0001mm - 0.2mm) giúp thu nhỏ mô, dễ dàng cắt bằng kéo hoặc bằng tay. 100% không chất xơ - Có khả năng hấp thụ 25 lần trọng lượng. - Khả năng nở rộng dưới áp lực niêm mạc. - Đóng gói tiệt trùng, hút chân không "	Miếng
48	TB48	Nẹp nén ép bản rộng vít 4.5mm (các cỡ)	Nẹp xương đùi (chân bản rộng) 6 - 14 lỗ, chất liệu thép không rỉ	Cái
49	TB49	Ống nội khí quản không bóng chèn các số (từ 2.0-7.5)	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gẫy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Sợi/cái
50	TB50	Ống nội khí quản có bóng các số (từ 2.0-7.5)	Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cản quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gẫy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm. Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất.	Sợi/cái
51	TB51	Ống thông hậu môn các số từ 14-16-18-20-30	Ống thông hậu môn các số từ 14-16-18-20-30 Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Trên dây có 02 cặp lỗ hình bầu dục đối xứng nhau, một đầu dây được loe hình phễu, đầu còn lại được bo tròn không gây tổn thương cho người sử dụng.	Sợi/cái
52	TB52	Test Dengue IgG/IgM	test nhanh hỗ trợ và sàng lọc chẩn đoán chính xác và sớm nhất sự xuất hiện của virus Dengue. Test nhanh mang lại kết quả với độ nhạy lên tới 92%, và độ đặc hiệu 75 đến 95%.Phân loại C-D	test
53	TB53	TEST DENGUE NS1	Bệnh phẩm là máu toàn phần và huyết thanh, Thời gian đọc kết quả ổn định trong vòng từ 15 đến 20 phút, Độ nhạy: > 92%, Độ đặc hiệu: > 98%.Phân loại C-D	test
54	TB54	Test EV71 IgM -SD Bioline	Phát hiện kháng thể IgM kháng Enterovirus 71 Loại mẫu sử dụng: Huyết thanh ,Huyết tương . Độ nhạy: ≥ 97,5%, Độ đặc hiệu: ≥ 98,0% . Thời gian xét nghiệm : 15-20 phút .Phân loại C-D	test
55	TB55	Test XN H.Pylori Hơi Thở C14	Test dùng nhận dạng nhanh Helicobacter Pylori trong mẫu sinh thiết dạ dày. Gồm: dĩa nhựa, ống nhựa bên trong có chứa môi trường thạch pha sẵn. Phân loại C-D	cái
56	TB56	Túi đựng bệnh phẩm tiệt trùng 7cm x 14cm	Kích thước: 7cm x 14cm; Sản phẩm được làm bằng chất liệu màng nhựa PE màu trắng nguyên chất. Tiệt trùng	Cái

STT	Mã tham chiếu	Tên vật tư, thiết bị y tế mời báo giá	Tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính
57	TB57	Vít vỏ xương 3.5mm, các cỡ	Vít xương cứng 3.5mm x38mm-chất liệu thép không rỉ	Cái
58	TB58	Vít vỏ xương 4.5mm, các cỡ	Chất liệu thép không rỉ-Vít xương cứng 4.5mm x32mm-42mm	Cái
59	TB59	VÍT XỐP 4.5MM x 40mm-45mm	Chất liệu thép không rỉ 316L. Vít Ø4.5mm, dài 25 -100mm, bước tăng 5mm, ren bán phần	Cái
60	TB60	VÍT XỐP 6.5MM x 16mmx 80mm	Chất liệu thép không rỉ 316L. Vít Ø6.5mmCancellous Srew, 16mm Thread,length 80mm,ren bán phần	Cái
61	TB61	Vòng đệm vít 3.5mm x4.0mm-4.5mm x 7.0mm	Long đền vít 3.5mm x4.0mm-4.5mm x 7.0mm(Washer For large fragment Screw)-chất liệu thép không rỉ	Cái
Tổng cộng : 61 mặt hàng				